

Lẽ ra dân tộc đã có Dân Chủ-Tự Do ngay từ 1945

Viết để tưởng niệm các học giả Trần Trọng Kim, Hoàng Xuân Hãn, những người đã góp phần xây dựng nền giáo dục mới cho nước Việt Nam độc lập và một thế hệ trí thức mới đã đứng ra làm việc nước hồi giữa thế kỷ 20.

Do sự phức tạp của thời thế và sự nóng nảy muốn giành độc lập nhất thời của chính người Việt, lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đã không những không biến chuyển như mọi người mong muốn mà còn đầy rẫy những ngộ nhận, từ đó oan khuất cần phải được giải tỏa và làm sáng tỏ. Đây là một việc làm vô cùng khó khăn mà một cá nhân khó có thể làm nổi. Tuy nhiên, tuy gọi là khó nhưng những người quan tâm và hiểu biết ít nhiều vẫn phải làm để sau này sẽ có người tiếp tục và điều chỉnh. Vì là một khoa học, sử học luôn luôn tiến bộ. Những gì gọi là đúng ngày hôm nay có thể sẽ cần phải được ít ra là điều chỉnh và bổ khuyết ngày mai, không có gì gọi là chân lý vĩnh cửu trong môn học này. Người học sử không thể chủ quan nhất định điều mình nói, viết ra hay được học mãi mãi là đúng, là chân lý bất di bất dịch.

Trong bài này cũng như một số bài trước, người viết xin gửi tới các bạn đọc, đặc biệt là các nhà tranh đấu cho một nước Việt Nam tự do và dân chủ, một vài nhận định về những gì Hoàng Đế Bảo Đại và vị thủ tướng đầu tiên của nước Việt Nam độc lập là nhà giáo kiêm học giả Trần Trọng Kim cùng với các bộ trưởng của ông, đã làm, trong một thời gian ngắn ngủi hơn ba tháng của năm 1945, từ ngày 8 tháng 5 đến ngày 6 tháng 8 năm 1945, để xây dựng một chính thể dân chủ lâu dài cho đất nước và ban hành các quyền tự do cho người dân từ cách nay ngót 70 năm bằng những đạo luật không phải là không tiến bộ. Đây là một việc làm mà 70 năm sau với ít nhất ba thế hệ đã qua đi một cách uổng phí, với hàng triệu sinh mạng đã bị hy sinh cùng với máu và nước mắt của người dân lành vô tội, người ta vẫn chưa muốn làm hay chưa làm được.

Bốn bước tiến đã được Vua Bảo Đại thực hiện trong thời gian này gồm có:

Thứ nhất: Ban hành dụ “Dân Vi Quý.”

Thứ hai: Đích thân tham khảo ý kiến của các quan lại, các thân hào, nhân sĩ có uy tín để thành lập một chính phủ mới.

Thứ ba: Thành lập các hội đồng chuyên môn để mọi người có thể tham gia việc soạn thảo hiến pháp và các sinh hoạt quan trọng của quốc gia.

Thứ tư: Ban hành các đạo dụ liên quan đến các quyền tự do cơ bản của người dân.

Sau đây là những chi tiết liên hệ tới bốn bước tiến kể trên.

Khẩu hiệu “Dân Vi Quý” của Hoàng Đế Bảo Đại

Đây là khẩu hiệu của vị vua cuối cùng của nhà Nguyễn mà ai đã từng học sử Việt Nam đều biết và cũng là bước tiến đầu tiên của vị hoàng đế này trên đường thực hiện chế độ

dân chủ của ông. Khẩu hiệu này được trích dẫn từ sách Mạnh Tử, một trong Tứ Thư của các nhà nho ta thời xưa, nguyên văn là “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” có nghĩa là “Dân là quý, sau đó là xã tắc, vua là nhẹ,” được nhà vua chính thức đưa ra trong Dự Số 1, mở đầu cho một giai đoạn mới trong triều đại của ông. Dự này được ban hành ngày 17 tháng 3 dương lịch năm 1945, nguyên văn như sau:

Dương Lịch ngày 17 tháng 3 năm 1945

Nước Nhật muốn hoàn toàn thực hiện chương trình xây nền thịnh vượng chung ở Đại-Đông-Á đã giải phóng cho nước Nam ta, và Trẫm tuyên bố Việt Nam độc lập rồi.

Nay Trẫm có trách nhiệm đối với lịch sử và thần dân, nên tự cầm lấy quyền để bảo vệ lấy quyền lợi cho Tổ-quốc và giáng dụ rằng

1) Chế độ chính trị từ nay căn cứ vào khẩu hiệu “Dân Vi Quý”

2) Trong chính giới sẽ chiêu tập các nhân tài đích đáng để chinh đốn lại nền tảng Quốc gia cho xứng đáng là một nước độc lập chân chính có thể hợp tác với Đại-Nhật-Bản trong công cuộc kiến thiết Đại-Đông-Á.

3) Trẫm sẽ tài định và tuyên bố các cơ quan chính trị để ban hành những phương pháp hợp với nguyện vọng của Quốc dân.

Nhận định về đạo dụ này, Nguyễn Tường Phượng trong bài “Một Đạo Dụ, Một Chế Độ” đăng trên Tri Tân Tạp Chí số ra ngày 20 tháng 4 năm 1945, trên trang đầu, đã viết như sau:

“Ba điều ban bố trên đáng ghi vào lịch sử xứ này, thật là trên thuận lòng giới, dưới đẹp lòng dân, quốc dân rất trông mong ở sự thi hành triệt để khác nào đói mong ăn và khát mong uống vậy.

“Nếu một khi nhà nước dùng được người tài, đức vẹn hai ra gánh vác, đảm đương những trọng trách, lại thêm vào đấy cái chính sách thân dân, thế tất đến dân nguyện thời nền tảng quốc gia xứ này có thể phục hưng.

“Được như vậy, đạo dụ ngày 17 tháng 3 đáng ghi vào trang đầu lịch sử của nước Việt-Nam độc lập.”

Còn Luật Sư Bùi Tường Chiểu, trong bài “Đạo Dụ Số 1 Của Đức Bảo Đại Hoàng Đế” đăng trên Thanh Nghị, số 107, “Số Đặc-San Chính Trị,” ra ngày 5 tháng 5, 1945, cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng đặc biệt của đạo dụ này. Ngay những dòng mở đầu ông viết:

“Đạo dụ trên đối với chế độ chính trị nước ta sau này có một tính cách quan trọng đặc biệt mà ta có thể nói rằng đạo dụ này đã nêu lên một cách tóm tắt những quả quyết rõ ràng những nguyên tắc kiến thiết chính thể nước Việt-Nam sau này.”

Rồi nhấn mạnh hơn đến ba chữ Dân Vi Quý, ông phân tích:

“Nay Đạo Dụ số 1 đã nêu lên khẩu hiệu Dân Vi Quý có nghĩa là đức Bảo-Đại đã hủy bỏ cái lý thuyết cũ mà đến nay hầu hết các nước văn minh đã cho là không hợp thời. Đã lấy dân làm trọng, đã lấy quyền lợi dân để trên tất cả thì vua tất chỉ là một cơ quan tối cao trong nước điều khiển những cơ quan chính trị khác để phụng vụ quốc gia, tìm những

phương pháp hợp với nguyện vọng của cả quốc dân mà thi hành. Như thế là trong nền chính trị đức Bảo-Đại Hoàng-Đế đã định đặt quốc dân ta đi vào một con đường mới.”

Cuối cùng đi xa hơn nữa, vị luật gia này còn nói tới Hiến Pháp. Ông viết:

“Xong chúng ta có thể căn cứ vào điều thứ 3 của bản Dự mà nói rằng đức Bảo-Đại sẽ tuyên bố các cơ quan chính trị mới mà trong câu cơ quan ấy sẽ có một cơ quan có quyền lập pháp. Muốn tổ chức một cách phân minh các cơ quan hành chính, lập pháp và tư pháp, tất nhiên phải có một đạo hiến-luật để ấn định rõ ràng những quyền hành của các cơ quan chính trị.”

Đúng như vậy, Hoàng Đế Bảo Đại sau đó đã từng bước tiến hành những biện pháp mang tính cách dân chủ để xây dựng một thể chế mới với sự đóng góp của nhiều người thay vì của một thiểu số quan lại trong triều. Sau đây là những nét chính của những nỗ lực này.

Đặt nền tảng cho việc xây dựng chế độ mới và sửa soạn cho những công trình tái dựng đất nước lâu dài (sửa lại chính thể và toàn bộ guồng máy chính quyền).

Đây là bước tiến thứ hai trong tiến trình xây dựng chế độ dân chủ bằng cách tạo dịp cho người dân mà đại diện là các nhân sĩ, trí thức và chuyên viên các ngành được tham gia việc nước, đồng thời thực hiện khẩu hiệu Dân Vi Quý của Hoàng Đế Bảo Đại. Bước đầu tiên là việc Vua Bảo Đại tham khảo ý kiến các quan lại, trí thức nhằm thành lập chính phủ đầu tiên cho nước Việt Nam độc lập thay thế cho Nội Các Phạm Quỳnh đã từ chức. Với bước tiến thứ hai, vào khoảng từ trung tuần tháng 6 đến thượng tuần tháng 7, vừa nhằm chiêu dụ nhân tài, vừa nhằm tạo cơ hội cho người dân được góp phần vào việc đặt nền tảng và thiết lập các cơ chế căn bản cho mọi phạm vi sinh hoạt lâu dài của đất nước, bốn hội đồng đã được thành lập qua ba đạo dụ và một đạo sắc. Bốn hội đồng này gồm có:

Hội Đồng Dự Thảo Hiến Pháp: do Phan Anh làm Thuyết Trình Viên gồm có các ông Phan Anh, Hoàng Đạo tức Nguyễn Tường Long, Vũ Đình Hòe, Huỳnh Thúc Kháng, Hồ Tá Khanh, Nguyễn Huy Lai, Đặng Thái Mai, Vương Quang Nhường, Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Văn Sâm, Nhượng Tống, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Văn Thịnh và Nguyễn Trác (Dụ số 60 ngày 7 tháng 7 năm 1945. Dụ này được đăng trong Việt Nam Tân Báo số ra ngày 7 tháng 7 năm 1945).

Hội Đồng Cải Cách Cai Trị, Tư Pháp và Hành Chính: do Vũ Văn Hiến làm thuyết trình viên, gồm có các ông Vũ Văn Hiến, Trần Văn Ân, Trần Văn Chương, Phạm Khắc Hòe, Lê Quang Hộ, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Văn Khoát, Trần Văn Lý, Trần Đình Nam, Nguyễn Khắc Niêm, Đặng Như Nhơn, Dương Tấn Tài, Nguyễn Hữu Tảo, Trịnh Đình Thảo và Phan Kế Toại (Dụ số 70 ngày 30 tháng 6 năm 1945. Dụ này được đăng trong Việt Nam Tân Báo số ra ngày 9 tháng 7 năm 1945).

Hội Đồng Cải Cách Giáo Dục: do Hoàng Xuân Hãn làm thuyết trình viên, gồm có bà Hoàng Thị Nga, các ông Hoàng Xuân Hãn, Tạ Quang Bửu, Kha Vạng Cân, Nguyễn Văn Chi, Hoàng Minh Giám, Nguyễn Thành Giung, Ngụy Như Kontum, Bùi Kỳ, Hồ Văn Ngà, Nguyễn Quang Oánh, Ưng Quả, Nguyễn Mạnh Tường, Hồ Đắc thắng, Nguyễn Văn Thích, Hoàng Đạo Thúy và Nguyễn Xiển (Dụ số 71 ngày 30 tháng 6 năm 1945. Dụ này được đăng trong Việt Nam Tân Báo số ra ngày 10 tháng 7 năm 1945).

Hội Đồng Thanh Niên: Hội Đồng này gồm có:

Chủ Tịch: Hoàng Đạo Thúy

Phó Chủ Tịch: Trần Duy Hưng, Bắc Chi Bộ

Phó Chủ Tịch: Tạ Quang Bửu, Nam Chi Bộ

Cố Vấn Bắc Chi Bộ: Bà Nguyễn Thị Thục Viên, các ông Nguyễn Xiển, Phạm Thành Vinh, Vũ Văn Cẩn, Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Xuân Phương, Trần Văn Quý, Phan Huy Quát, Nguyễn Như Kon-tum, Phạm Ngọc Khuê, Nguyễn Tường Bách.

Cố Vấn Nam Chi Bộ: Bà Nguyễn Đình Chi, các ông Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Thủ, Tôn Quang Phiệt, Kha Vọng Cân, Nguyễn Tư Vinh, Huỳnh Văn Tiêng, Nguyễn Văn Thích, Nguyễn Kinh Chi và Thái Can (Sắc số 65 ngày 15 tháng 6 năm 1945)

Khi đọc danh sách các hội viên được đề nghị tham gia các hội đồng kể trên để trình lên Hoàng Đế Bảo Đại phê duyệt, Phạm Khắc Hòe tỏ ý thắc mắc là có tên những người ông “chưa từng thấy bao giờ” nên đã hỏi Trần Trọng Kim và được Trần Trọng Kim cho biết là các danh sách này “đã được toàn thể Nội Các và nhất là các ông bộ trưởng thuyết trình viên đồng ý cả rồi, tuy chưa hỏi được ý kiến của tất cả những người hữu quan, song chắc họ vui lòng nhận cả, vì lúc này ai mà chẳng sẵn sàng ra thờ vua giúp nước” và nói thêm “Vậy ông chịu khó xin Hoàng Đế phê chuẩn đi cho kịp thời, đừng nên hỏi đi hỏi lại nữa.” Kết quả, theo lời Phạm Khắc Hòe, là “chỉ mấy phút sau, bốn dự thảo của nội các trở thành ba đạo dụ và một đạo sắc chính thức.” Những lời đối thoại này cho ta thấy tính cách hữu hiệu và làm việc chạy theo thời gian của Trần Trọng Kim và Nội Các của ông dù đó mới chỉ là ban hành được những đạo dụ hay đạo sắc để làm nền tảng pháp lý cho những bước kế tiếp trong tương lai. Nó cũng nói lên tính cách hữu hiệu của chế độ quân chủ chuyên chế và sự tin tưởng của Hoàng Đế Bảo Đại vào vị thủ tướng và nội các đương thời, vì bình thường những quyết định liên hệ đến thể chế và những cơ chế tương lai trong một quốc gia dân chủ bình thường không thể nào có thể thực hiện được trong vòng trên dưới hai tháng tính từ ngày Nội Các Trần Trọng Kim họp phiên họp đầu tiên, ngày 8 tháng 5, đến ngày 10 tháng 7, ngày đạo dụ cuối cùng trong bốn đạo sắc dụ này được đệ trình, rồi được vị nguyên thủ quốc gia phê chuẩn trong có “mấy phút sau.” Một thời gian kỷ lục.

Cũng nên để ý là các vị bộ trưởng được Trần Trọng Kim nói đến ở đây là Bộ Trưởng Thanh Niên Phan Anh, Bộ Trưởng Tài Chánh Vũ Văn Hiến và Bộ Trưởng Giáo Dục và Mỹ thuật Hoàng Xuân Hãn. Cả ba, ngoài bằng cấp chuyên môn, đều là những chuyên viên hàng đầu của Việt Nam thời đó. Họ là những người từ lâu đã tìm hiểu, nghiên cứu và viết những bài tham khảo bàn về những lãnh vực riêng của mình và là những cây bút nòng cốt của tờ Thanh Nghị, một thứ “think tank” của chính phủ đương thời. Đây cũng là dịp để họ thi thố tài năng và thực thi hoài bão mà từ lâu họ đã từng thai nghén. Cũng nên nhớ là thành ngữ “thờ vua giúp nước” cho đến thời điểm này vẫn chưa trở thành lạc hậu.

“Tuần Lễ Của Các Tự Do”

Đây là sự ban hành một số những đạo dụ ấn định những nguyên tắc liên hệ đến các quyền tự do căn bản của người dân. Ba đạo dụ sau đây đã được báo Thanh Nghị số 117, ra ngày 21 tháng 7 năm 1945 ghi nhận theo thứ tự thời gian gồm có:

1. Dụ số 73, ngày 26 tháng 5 năm Bảo Đại thứ 20 tức ngày 5 tháng 7 dương lịch năm 1945 về tự do lập nghiệp đoàn.

2. Dự số 78, ngày 1 tháng 6 năm Bảo Đại thứ 20 tức ngày 9 tháng 7 năm 1945 về tự do lập hội.

3. Dự số 79, ngày 1 tháng 6 năm Bảo Đại thứ 20 tức ngày 9 tháng 7 năm 1945 về tự do hội họp.

Cả ba đạo dụ này đã được ban hành trong một thời gian ngắn là thượng tuần tháng bảy năm 1945 và Thanh Nghị đã gọi tuần lễ này là “Tuần của các tự do.”

Về chi tiết, báo Thanh Nghị tóm tắt như sau:

Tự do lập hội: Từ nay phàm người công dân Việt Nam ai nấy đều có quyền lập những hội có mục đích chính trị, văn hóa, tôn giáo hay xã hội, ngoài những hội có mục đích kiếm lợi. Chỉ cần mục đích của hội không trái với pháp luật, luân lý hoặc là có hại đến nền duy nhất và sự toàn vẹn của lãnh thổ quốc gia. Nhưng cần phải báo trước với nhà chức trách ít nhất là 30 ngày trước khi hoạt động

Muốn phân biệt các hội do Đạo Dụ số 78 với các hội có mục đích kiếm lợi phải xét xem các hội viên có chia lãi cho nhau hay không? Nếu chia lãi thì tất phải theo những luật lệ hiện hành về các hội buôn.

Nhiều người hội họp với nhau nhiều lần cũng lại không họp thành một hội vì không có điều lệ để hội viên theo. Cho nên trong tờ khai phải đính theo cả bản điều lệ của hội mình định sáng lập.

Hội có thể tự giải tán (theo điều lệ hay theo ý muốn toàn thể hội viên) hay bị tòa án giải tán, nếu mục đích trái với pháp luật, luân lý, hại tới quốc gia, nếu không khai báo cho đúng thể lệ (chưa kể những sự trừng phạt về tội hình những người có trách nhiệm). Tài sản của hội khi đó sẽ phân phát theo điều lệ của hội, theo quyết định của đại hội đồng của hội hay theo lệnh của tòa.

Có hai thứ hội: hội thường và hội được Hội Đồng Nội Các công nhận là một hội có ích lợi chung. Hội thường có quyền tố tụng, thu nhập tiền đóng góp của hội viên, có quyền mua, quyền sở hữu và quản lý nhà hội quán, quản trị những bất động sản mà Bộ Nội Vụ và Tài Chính cho phép mua. Còn hội được chính quyền công nhận là có ích lợi chung thì ngoài những quyền này còn có quyền được nhận những tặng dũ.

Tự do hội họp: Người dân được quyền tự do hội họp nhưng Dự số 72 phân biệt hai thứ hội họp là hội họp trong tư gia có tính cách gia đình hay lễ nghi và các hội họp ở những nơi công cộng.

Đối với các hội họp trong gia đình hay lễ nghi hay những hội họp của các hội tư nhóm họp trong tư gia với số người tham dự không quá 30 người, người triệu tập không cần phải khai báo. Các cuộc hội họp khác cũng được tự do nhưng phải khai báo với nhà chức trách. Tất cả các cuộc hội họp ở các nơi công cộng như họp ở ngoài đường phố, trong các công viên hay các thị xã đều phải xin phép trước. Giờ họp không được quá 12 giờ đêm trừ khi có phép riêng. Ngoài ra một nhân viên hành chánh hay tư pháp cũng có quyền tới dự.

Tự do lập nghiệp đoàn: Việc lập nghiệp đoàn cũng được coi như quyền tự do của người dân với những quy luật được ấn định trong Dự số 73, theo đó, để tránh không cho

những hội kiếm lợi giả danh làm nghiệp đoàn với mục tiêu trốn thuế, các nghiệp đoàn bị cấm không được chia lời cho các đoàn viên và khi giải tán thì của cải không được đem chia cho các đoàn viên. Đồng thời để bảo vệ những người trong nghề, dự này cấm không cho nghiệp đoàn cưỡng ép những người này phải gia nhập hay bắt đoàn viên phải ở lại trong nghiệp đoàn vĩnh viễn nhưng ngược lại cho phép nghiệp đoàn được từ chối không nhận một người làm đoàn viên theo điều lệ của mình. Mặt khác, nghiệp đoàn có tư cách pháp nhân trong việc bảo vệ các quyền lợi của mình, có quyền sở hữu các động sản hay bất động sản nếu xin phép, có quyền liên kết với nhau để thành lập các liên đoàn và về phía chính quyền, chính quyền có quyền cử người kiểm soát việc quản lý tài chính của nghiệp đoàn hay liên đoàn. Cuối cùng vì nghiệp đoàn là một tổ chức có thể dùng để tranh đấu nên người sáng lập bắt buộc phải có quốc tịch Việt Nam và phải ở trong nghề ít nhất một năm.

Vì ba đạo luật kể trên đã được ban hành trong thượng tuần tháng 7 năm 1945 nên tác giả của bài báo gợi ý gọi tuần lễ này là “Tuần Lễ Của Các Tự Do.” Mặt khác nếu người ta theo dõi những cuộc hội họp của người dân ở cả hai miền Trung và Bắc đã diễn ra liên tiếp từ ngày 10 tháng 3, sau ngày Nhật đảo chánh Pháp, đặc biệt là ở Huế và Hà Nội với hàng vạn người tham dự một cách tự do, thoải mái, thì sự ban hành các đạo dụ này “đã làm hợp pháp một tình trạng riêng của các tỉnh ở Bắc Bộ Việt Nam vì từ sau ngày 9 tháng 3 các hội, các đoàn mọc lên như nấm, các cuộc hội họp công khai tự do vô cùng.”

Kết luận

Tất cả các công trình lớn lao kể trên đã được Hoàng Đế Bảo Đại, Thủ Tướng Trần Trọng Kim và các vị bộ trưởng trong chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam độc lập trong những hoàn cảnh vô cùng khó khăn và trong một thời gian kỷ lục chưa tới ba tháng ngắn ngủi kể từ ngày 8 tháng 5 khi chính phủ này được trình diện đến ngày 6 tháng 8 năm 1945 khi chính phủ này từ chức và được Hoàng Đế Bảo Đại cho phép, ngắn hơn nữa nếu tính đến ngày 9 tháng 7, ngày các Dụ số 78 về Tự Do Lập Hội và số 79 về Tự Do Hội Hợp được nhà vua chấp nhận. Đây là một phần của một cuộc cải cách rộng lớn hơn bao trùm mọi phạm vi sinh hoạt đương thời, gọi theo Sử Gia Na Uy Stein Tonnesson là “từ trên xuống,” còn gọi theo Vũ Ngự Chiêu thì đó là một cuộc cách mạng cũng từ trên xuống: “cách mạng từ trên xuống.” Cả hai sử gia này đều có lý vì tính cách nhanh chóng ít ai có thể ngờ của nó. Câu hỏi được đặt ra ở đây là làm sao nó có thể xảy ra được trong một chế độ quân chủ chuyên chế đã từng tồn tại cả ngàn năm như vậy? Có ba sự kiện người ta có thể nghĩ tới để trả lời câu hỏi này. Đó là ý muốn của người cầm đầu hay đúng hơn vị nguyên thủ quốc gia, ước vọng và khả năng của những người lãnh nhiệm vụ thực hiện cuộc cải cách theo ý muốn của vị nguyên thủ quốc gia ấy và cuối cùng là sự đón nhận của dư luận đương thời.

Cả ba sự kiện này để quốc Việt Nam ở thời điểm đương thời đều có đủ. Từ Vua Bảo Đại đến Thủ Tướng Trần Trọng Kim và các vị bộ trưởng đều là những người được huấn luyện đầy đủ, có kiến thức và nhất là có thực tâm, tha thiết với nền độc lập và sự tiến bộ của nước nhà. Điều đáng tiếc là biến cố 19 tháng 8 đã xảy ra, Việt Minh cướp chính quyền và tất cả đều đã bị dẹp bỏ, điển hình là ngày 22 tháng 9 năm 1945, 20 ngày sau khi tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh “bãi bỏ các nghiệp đoàn trong toàn cõi Việt Nam” và Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ Võ Nguyên Giáp ký Nghị Định ngày 14 tháng 9 giải tán Hội Khai Trí Tiến Đức trong khi cùng ngày lại ký một nghị định khác “cấp năng lực pháp luật” cho hội “Văn Hóa Cứu Quốc Việt Nam” (Việt Minh). Cuối cùng thì sau 70 năm, cho đến tận ngày hôm nay khi bài này được viết, bất chấp mọi sự hy sinh, gian

khổ, máu và nước mắt của hàng triệu đồng bào, Tự Do và Dân Chủ, Công Bằng và Bác Ái vẫn nguyên vẹn chỉ là niềm mơ ước hầu như còn lâu mới đạt được của người dân Việt.

Chú thích:

1. Đoàn Trung Còn, dịch giả, Tứ Thư, Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử. Quyển Bảy, “Chương Sau: Tân Tâm.” Huế: Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, 2000, tr. 263.

- Nguyễn Đức Lân (dịch và chú giải), Tứ Thư Tập Chú, “Mạnh Tử, Chương XIV, Tân Tâm, Chương Cú Hạ.” Hà Nội: Nhà Xuất Bản Văn Hóa Thông Tin, 1999, tr. 1346.

- Nguyễn Hiến Lê, Mạnh Tử. Saigon: Cảo Thơm, 1975. Nhà Xuất Bản Xuân Thu tái bản tại Hoa Kỳ, Los Alamitos, CA, tr. 58. - Phan Bội Châu, Khổng Học Đẳng Trọn Bộ. Houston: Xuân Thu tái bản tại Hoa Kỳ, không đề năm, tr. 463.

- Bàn về khẩu hiệu này, Phạm Khắc Hòe, Ngự Tiền Tổng Lý Văn Phòng của Vua Bảo Đại và là người thân Việt Minh nằm trong Đại Nội bên cạnh nhà vua cho là do một người nào đó “mớm” cho nhà vua chứ Bảo Đại không thể có ý tưởng đó được. Nhận xét này nhiều phần không đúng nếu ta để ý tới căn bản giáo dục mà Bảo Đại nhận được xuyên qua Phụ Đạo Lê Nhữ Lâm từ hồi ông mới 6 tuổi rồi sau đó theo ông sang Pháp trong suốt thời gian ông ở Pháp để dạy ông về đạo làm vua theo truyền thống Việt Nam trong đó có Khổng Giáo, tiếp theo là những gì ông làm trong thời kỳ cải cách trước đó và những gì ông viết trong hồi ký sau này của ông. Xem thêm Phạm Khắc Hòe, Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc.

2. Huế: Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, 1987, tr. 22-23.

3. Phạm Khắc Hòe, Từ Triều Đình Huế,... dẫn trên, tr. 41-43.

4. - như trên -, tr. 41.

5. Trong mục “Đời Sống Đông Dương qua bài báo nhan đề ‘Mấy Đạo Dụ về Tự Do,’” tr. 23-25.

6. - như trên-, tr. 25.

7. Việt Nam Dân Quốc Công Báo, số 2, 6 Tháng Mười 1945, “Mục Lục Công Báo ngày 6 tháng 10 năm 1945”

8. Tư cách pháp nhân.

9. Việt Nam Dân Quốc Công Báo, dẫn trên.

Theo nguoi-viet-01-26- 2015 1:55:11 PM

Phạm Cao Dương

Gửi lên: **Lê-Thụy-Chi**

Ngày 13/12/4893 – Giáp Ngọ (01/02/2015)

www.vietnamvanhien.net